

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 30



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Phan Văn Kiệt	Thành viên

##### Ban Kiểm Soát

Bà Thạch Thị Phong Huyền	Trưởng ban
Ông Hồ Ngọc Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Phản ánh và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

01001  
CH  
C  
TRÁCH  
DE  
VI  
TÂN B



Số: 425 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Chí Nguyễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0049-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 24 tháng 3 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tuấn Ngọc**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2110-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

**ĐVT: VND**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.098.798.803.107</b>		<b>1.733.242.258.379</b>	
<b>I. Tiền các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>149.602.216.602</b>		<b>183.298.525.677</b>	
1. Tiền	111	5	149.602.216.602		183.298.525.677	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>170.880.000.000</b>		<b>210.800.000.211</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	170.880.000.000		210.800.000.211	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.095.306.579.795</b>		<b>791.822.882.467</b>	
1. Phải thu khách hàng	131	7	821.538.262.820		576.166.618.449	
2. Trả trước cho người bán	132		13.298.252.660		95.293.304.279	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	136.806.625.427		38.321.813.820	
4. Các khoản phải thu khác	135	9	123.663.438.888		82.041.145.919	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>538.672.087.720</b>		<b>481.335.711.414</b>	
1. Hàng tồn kho	141		551.906.261.606		491.159.526.277	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.234.173.886)		(9.823.814.863)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>144.337.918.990</b>		<b>65.985.138.610</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.000.000		17.100.000	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		143.506.755.990		65.939.038.610	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		813.163.000		29.000.000	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>439.879.068.357</b>		<b>383.375.089.590</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.997.912.077</b>		<b>10.997.912.077</b>	
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	8	10.997.912.077		10.997.912.077	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.143.373.489</b>		<b>118.859.926.370</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	141.143.373.489		116.468.250.050	
- Nguyên giá	222		523.443.529.633		451.062.270.794	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(382.300.156.144)		(334.594.020.744)	
2. Tài sản vô hình	227	12	-		2.391.676.320	
- Nguyên giá	228		13.755.352.625		13.755.352.625	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.755.352.625)		(11.363.676.305)	
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>233.764.871.384</b>		<b>233.365.034.443</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251		71.625.265.240		71.625.265.240	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		112.959.706.094		111.959.706.094	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		70.403.370.000		70.403.370.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(21.223.469.950)		(20.623.306.891)	
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>53.972.911.407</b>		<b>20.152.216.700</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.539.011.988		13.935.167.244	
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	40.433.899.419		6.217.049.456	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.538.677.871.464</b>		<b>2.116.617.347.969</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

002-6  
ANH  
TY  
HỮU H  
ITE  
AM  
iô ch



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01-DN**

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.948.357.153.205</b>	<b>1.597.426.355.737</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.747.413.435.106</b>	<b>1.418.855.265.659</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	192.237.124.559	111.690.342.703
2. Phải trả người bán	312		837.530.587.096	701.267.954.384
3. Người mua trả tiền trước	313		116.209.082.202	69.440.300.356
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	23.423.280.294	32.171.181.679
5. Phải trả người lao động	315		317.113.243.743	269.140.123.692
6. Chi phí phải trả	316		9.279.820.835	21.550.271.248
7. Phải trả nội bộ	317		4.090.292.714	2.541.182.966
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	104.917.708.405	110.198.497.291
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		142.612.295.258	100.855.411.340
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>200.943.718.099</b>	<b>178.571.090.078</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		15.647.525.564	2.373.146.400
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	153.416.000.000	146.416.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	20	27.811.105.500	26.399.898.000
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.069.087.035	3.382.045.678
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>590.320.718.259</b>	<b>519.190.992.232</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>590.320.718.259</b>	<b>519.190.992.232</b>
1. Vốn điều lệ	411	21	280.000.000.000	280.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	24.469.859.758	24.469.859.758
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.693.895.152	1.693.895.152
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	237.725.215.419	170.073.325.008
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	28.000.000.000	28.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	18.431.747.930	14.953.912.314
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.538.677.871.464</b>	<b>2.116.617.347.969</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD")	5.897.218	7.569.004
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công ("VND")	316.109.640.342	279.163.768.460

  
 Nguyễn Bích Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Trâm Anh  
 Kế toán trưởng

  
 Bùi Văn Tiến  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 02-DN**

**ĐVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.419.580.892.698	4.791.765.424.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.775.896.293	2.256.809.229
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.416.804.996.405	4.789.508.615.497
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		4.828.967.953.519	4.230.544.013.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		587.837.042.886	558.964.601.929
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	60.691.101.801	70.153.084.618
7. Chi phí tài chính	22	26	27.261.724.163	17.752.818.718
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.000.114.719	7.164.470.996
8. Chi phí bán hàng	24		215.967.990.114	213.022.978.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		129.337.210.496	160.124.141.411
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		275.961.219.914	238.217.747.918
11. Thu nhập khác	31		10.807.812.895	15.930.304.220
12. Chi phí khác	32		6.092.551.768	5.605.359.803
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	4.715.261.127	10.324.944.417
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		280.676.481.041	248.542.692.335
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	55.170.179.672	51.820.569.449
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		<u>225.506.301.369</u>	<u>196.722.122.886</u>



Nguyễn Bích Thủy  
Người lập



Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

00112  
CHI  
CỘ  
TÁCH N  
DEI  
VIỆ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU B 03-DN**  
DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>280.676.481.041</i>		<i>248.542.692.335</i>	
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02	52.896.672.606		59.029.370.143	
Các khoản dự phòng	03	4.010.522.082		(669.396.164)	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(5.689.195.776)		-	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.492.004.576)		(52.187.577.995)	
Chi phí lãi vay	06	7.000.114.719		7.164.470.996	
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>298.402.590.096</i>		<i>261.879.559.315</i>	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(368.408.734.598)		(402.635.746.953)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(60.746.735.329)		(129.847.515)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	197.564.046.820		173.113.450.808	
Thay đổi chi phí trả trước	12	395.255.256		229.758.255	
Tiền lãi vay đã trả	13	-		(748.470.996)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(63.646.708.101)		(39.066.126.521)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(14.619.691.424)		(14.464.023.778)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(11.059.977.280)</i>		<i>(21.821.447.385)</i>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(58.025.978.581)		(45.152.420.502)	
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	297.636.361		6.610.335.269	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(178.200.000.000)		(103.430.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay	24	138.891.000.000		47.760.480.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.480.000.000)		(112.607.500.211)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	61.680.000.211		109.460.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.687.096.284		55.647.794.345	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(19.150.245.725)</i>		<i>(41.711.311.099)</i>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	279.813.248.794		321.837.935.728	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.242.889.141)		(165.795.191.246)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(84.000.000.000)		(70.000.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(4.429.640.347)</i>		<i>86.042.744.482</i>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(34.639.863.352)</b>		<b>22.509.985.998</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>183.298.525.677</b>		<b>160.788.539.679</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61	943.554.277		-	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>149.602.216.602</b>		<b>183.298.525.677</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**


Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 29.259.069.149 đồng (năm 2013: 12.104.928.005 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Bích Thủy  
Người lập



Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước “Tổng Công ty May Việt Tiến”, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 280 tỷ đồng và Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Vinatex”) là cổ đông chính của Tổng Công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.158 người (31 tháng 12 năm 2013: 6.147 người).

**Hoạt động chính**

Tổng Công ty chuyên ngành chủ yếu là sản xuất và kinh doanh may mặc, cụ thể như sau:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại;
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp;
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng;
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ giặt, in, thêu và đào tạo cắt may công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi; và
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

112  
HI  
CÔ  
NH  
EL  
IÊN  
TF

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh đối với nguyên phụ liệu và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 6

**Tài sản vô hình và hao mòn**

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 5 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát trong ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá vốn, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

00-3  
 HÃ  
 G T  
 EMH  
 NIT  
 NA  
 HC



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư vào các công ty mà tỷ lệ sở hữu dưới 20%. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện tiền thuê 22.261,9 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê theo hợp đồng từ 2 đến 5 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

002  
KH  
Y  
TU HẠC  
TE  
CHÍNH



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	248.799.696	926.891.222
Tiền gửi ngân hàng	149.353.416.906	182.371.634.455
	<u><b>149.602.216.602</b></u>	<u><b>183.298.525.677</b></u>

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 0,25%/năm.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh 31)	9.047.406.679	30.945.183.642
Phải thu bên thứ ba	812.490.856.141	545.221.434.807
	<u><b>821.538.262.820</b></u>	<u><b>576.166.618.449</b></u>

**8. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN VÀ VỐN KINH DOANH Ở ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

	31/12/2014		31/12/2013	
	Phải thu khác	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	Phải thu khác	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	136.327.005.307	10.373.912.077	37.911.279.705	10.373.912.077
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	479.620.120	624.000.000	410.534.115	624.000.000
	<u><b>136.806.625.427</b></u>	<u><b>10.997.912.077</b></u>	<u><b>38.321.813.820</b></u>	<u><b>10.997.912.077</b></u>

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức (i)	98.850.938.888	60.567.280.557
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á (ii)	24.000.000.000	20.467.386.400
Các khoản phải thu khác	812.500.000	1.006.478.962
	<u><b>123.663.438.888</b></u>	<u><b>82.041.145.919</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu khác bao gồm:

- i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức là tiền gốc và lãi cho vay theo Hợp đồng 03/VTEC-CKTD/2013 và 01, 02, 03, 04, 05 & 06/VTEC-CKTD/2014. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á là tiền gốc và lãi cho vay theo Hợp đồng 04 & 05/VTEC-VTDA/2014. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6%/năm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	71.508.983.864	64.601.922.094
Nguyên liệu, vật liệu	114.164.407.678	76.665.648.167
Công cụ, dụng cụ	241.399.027	478.219.086
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	121.102.429.733	124.432.145.344
Thành phẩm	234.334.347.292	203.341.379.607
Hàng hóa	8.169.660.407	9.856.887.479
Hàng gửi đi bán	2.385.033.605	11.783.324.500
	<b>551.906.261.606</b>	<b>491.159.526.277</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.234.173.886)	(9.823.814.863)
	<b>538.672.087.720</b>	<b>481.335.711.414</b>

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.823.814.863	11.541.023.117
Trích trong năm	3.410.359.023	-
Hoàn nhập trong năm	-	(1.717.208.254)
Số dư cuối năm	<b>13.234.173.886</b>	<b>9.823.814.863</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	149.362.363.710	281.552.059.737	13.574.439.018	6.573.408.329	451.062.270.794
Tăng trong năm	392.388.891	67.291.966.566	3.963.896.363	3.531.867.905	75.180.119.725
Thanh lý	(159.426.373)	(2.024.309.473)	(571.039.040)	(44.086.000)	(2.798.860.886)
Tại ngày 31/12/2014	<b>149.595.326.228</b>	<b>346.819.716.830</b>	<b>16.967.296.341</b>	<b>10.061.190.234</b>	<b>523.443.529.633</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	73.691.884.800	244.901.798.955	10.005.358.856	5.994.978.133	334.594.020.744
Khấu hao trong năm	11.055.805.050	37.075.138.006	1.622.491.036	751.562.194	50.504.996.286
Thanh lý	(159.426.373)	(2.024.309.473)	(571.039.040)	(44.086.000)	(2.798.860.886)
Tại ngày 31/12/2014	<b>84.588.263.477</b>	<b>279.952.627.488</b>	<b>11.056.810.852</b>	<b>6.702.454.327</b>	<b>382.300.156.144</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<b>65.007.062.751</b>	<b>66.867.089.342</b>	<b>5.910.485.489</b>	<b>3.358.735.907</b>	<b>141.143.373.489</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>75.670.478.910</b>	<b>36.650.260.782</b>	<b>3.569.080.162</b>	<b>578.430.196</b>	<b>116.468.250.050</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 272.172.415.883 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 214.871.957.040 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014 & 31/12/2014	<u>1.796.971.025</u>	<u>11.958.381.600</u>	<u>13.755.352.625</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.796.971.025	9.566.705.280	11.363.676.305
Khấu hao trong năm	-	2.391.676.320	2.391.676.320
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.796.971.025</u>	<u>11.958.381.600</u>	<u>13.755.352.625</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>2.391.676.320</u>	<u>2.391.676.320</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty với nguyên giá là 13.755.352.625 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 1.796.971.025 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 11.958.381.600 đồng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Tổng Công ty đã nhận bàn giao khu đất này từ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiết tỷ lệ góp vốn và quyền biểu quyết tại các công ty con và công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Quyền biểu quyết
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH Nam Thiên	83,55	83,55	83,55	83,55
Công ty TNHH May Thuận Tiến	82,50	82,50	82,50	82,50
Công ty TNHH May Tiên Thuận	82,50	82,50	82,50	82,50
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty TNHH May xuất khẩu Việt Hồng	25,00	66,78	25,00	66,78
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>				
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	55,06	49,00	55,06	49,00
Công ty Cổ phần May Tây Đô	45,83	45,83	45,83	45,83
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	45,15	45,15	45,15	45,15
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	40,00	40,00	40,00	40,00
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	36,77	36,77	36,77	36,77
Công ty Cổ phần May Việt Tân	34,98	34,98	34,98	34,98
Công ty Cổ phần Việt Hưng	32,53	32,53	32,53	32,53
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	30,01	34,98	30,01	34,98
Công ty Cổ phần May Công Tiến	28,38	28,38	26,00	26,00
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	30,00	30,00	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	26,06	26,06	26,06	26,06
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	26,00	26,00	26,00	26,00
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	25,24	25,24	25,24	25,24
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	20,85	20,85	20,85	20,85

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH May Thuận Tiến	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Nam Thiên	14.309.600.000	14.309.600.000
Công ty TNHH May Tiên Thuận	17.170.500.000	17.170.500.000
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	21.145.165.240	21.145.165.240
Công ty TNHH May xuất khẩu Việt Hồng	2.500.000.000	2.500.000.000
	<u><b>71.625.265.240</b></u>	<u><b>71.625.265.240</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết các khoản đầu vào công ty liên kết, liên doanh, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	23.138.840.000	23.138.840.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Hưng	14.359.000.000	14.359.000.000
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	9.327.200.000	9.327.200.000
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	7.268.031.132	7.268.031.132
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	6.780.774.959	6.780.774.959
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	6.645.000.000	6.645.000.000
Công ty Cổ phần May Công Tiến	6.460.000.000	5.460.000.000
Công ty Cổ phần May Tây Đô	6.415.500.000	6.415.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	5.272.500.000	5.272.500.000
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	3.041.864.740	3.041.864.740
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	2.450.000.000	2.450.000.000
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	2.371.195.263	2.371.195.263
Công ty Cổ phần May Việt Tân	1.829.800.000	1.829.800.000
	<b><u>112.959.706.094</u></b>	<b><u>111.959.706.094</u></b>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	15.150.000.000	15.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	15.061.750.000	15.061.750.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may Việt nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vinatex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Chi May Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	280.000.000	280.000.000
	<b><u>70.403.370.000</u></b>	<b><u>70.403.370.000</u></b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	(704.652.917)	(552.870.611)
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	(1.868.201.766)	(1.901.548.067)
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	(633.799.376)	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	(7.813.374.450)	(4.747.227.975)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	(10.203.441.441)	(13.421.660.238)
	<b><u>(21.223.469.950)</u></b>	<b><u>(20.623.306.891)</u></b>
<b>Đầu tư dài hạn thuần</b>	<b><u>233.764.871.384</u></b>	<b><u>233.365.034.443</u></b>
Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:		
	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	20.623.306.891	19.575.494.801
Trích lập trong năm	3.851.728.157	1.447.369.959
Hoàn nhập trong năm	(3.251.565.098)	(399.557.869)
Số dư cuối năm	<b><u>21.223.469.950</u></b>	<b><u>20.623.306.891</u></b>

1280  
HI NH  
CÔNG  
HỮU  
ELO  
VIỆT  
TP

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	13.935.167.244	13.874.909.783
Tăng trong năm	11.902.641.567	6.025.122.880
Phân bổ vào chi phí trong năm	(12.298.796.823)	(5.964.865.419)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>13.539.011.988</u></b>	<b><u>13.935.167.244</u></b>

**15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng, cửa hàng, kho với thời hạn thuê trên 1 năm. Các khoản ký quỹ này sẽ được thu hồi khi hợp đồng thuê hết thời hạn và được thanh lý.

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	130.352.364.127	49.028.601.800
Vay ngắn hạn khác	61.884.760.432	62.661.740.903
	<b><u>192.237.124.559</u></b>	<b><u>111.690.342.703</u></b>

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổng hạn mức là 300.000.000.000 đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản vay này không có bảo đảm và thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vì người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện, huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty và Quỹ Đảng phí. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.037.994.051	25.514.522.480
Các loại thuế khác	6.385.286.243	6.656.659.199
	<b><u>23.423.280.294</u></b>	<b><u>32.171.181.679</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả quyền sử dụng đất tại Hóc Môn (i)	11.958.381.600	11.958.381.600
Phải trả chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	-	9.511.175.000
Phải trả tiền hỗ trợ đại lý	5.647.959.594	8.675.110.368
Phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (ii)	-	8.228.613.419
Phải trả khác	3.311.367.211	1.825.216.904
Cổ tức phải trả (iii)	84.000.000.000	70.000.000.000
	<b><u>104.917.708.405</u></b>	<b><u>110.198.497.291</u></b>

- i) Khoản phải trả cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền sử dụng lô đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội để ngày 18 tháng 5 năm 2010.
- ii) Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc thuộc giai đoạn trước cổ phần hóa chưa sử dụng hết, phải trả cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được thanh toán trong năm 2014.
- iii) Cổ tức phải trả bao gồm cổ tức tạm tính 30% trên mệnh giá cổ phần phải trả cho các cổ đông hiện hữu.

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay và nợ dài hạn thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu và khoản lợi tức lũy kế phải trả cho các trái chủ. Tổng Công ty đã được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu này ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 12 tháng 12 năm 2012. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn.

Tổng Công ty chưa đánh giá và ghi nhận tách biệt giá trị của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi. Thông tư 210 định nghĩa trái phiếu chuyển đổi là công cụ tài chính phức hợp và yêu cầu giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ tài chính phức hợp được phân bổ cho thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính phức hợp bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả. Theo đó, Tổng Công ty đang ghi nhận toàn bộ giá trị trái phiếu chuyển đổi như là một khoản vay dài hạn.

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc được trích lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 31/12/2013		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	13.405.920	47,88	134.059.200.000	13.405.920	47,88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14,16	39.650.000.000	3.965.000	14,16	39.650.000.000
Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9,94	27.830.000.000	2.783.000	9,94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28,02	78.460.800.000	7.846.080	28,02	78.460.800.000
	<b>28.000.000</b>	<b>100</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>28.000.000</b>	<b>100</b>	<b>280.000.000.000</b>

**Cổ phần**

	31/12/2014	31/12/2013
<b>Được phép phát hành:</b>		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
<b>Đã được phát hành và góp vốn đủ:</b>		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013	280.000.000.000	24.469.859.758	304.469.859.758
Tại ngày 31/12/2014	<u>280.000.000.000</u>	<u>24.469.859.758</u>	<u>304.469.859.758</u>

**22. QUỸ**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND
Tại ngày 01/01/2013	101.220.581.998	23.351.803.047
Tăng trong năm	<u>68.852.743.010</u>	<u>4.648.196.953</u>
Tại ngày 31/12/2013	170.073.325.008	28.000.000.000
Tăng trong năm	<u>67.651.890.411</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>237.725.215.419</u>	<u>28.000.000.000</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**23. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**

Thay đổi trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Số đầu năm	14.953.912.314	1.077.153.968
<b>Tăng trong năm:</b>	<b>280.676.481.041</b>	<b>248.542.692.335</b>
- Lợi nhuận trước thuế	280.676.481.041	248.542.692.335
<b>Giảm trong năm:</b>	<b>277.198.645.425</b>	<b>234.665.933.989</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:	55.170.179.672	51.820.569.449
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.170.179.672	51.820.569.449
- Lợi nhuận chia cho các cổ đông:	98.000.000.000	70.000.000.000
+ Tạm trích cổ tức 25% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013	-	70.000.000.000
+ Trích thêm cổ tức 5% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013, theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	14.000.000.000	-
+ Trích cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014	84.000.000.000	-
- Phân phối các quỹ trong năm:	124.028.465.753	112.845.364.540
+ Quỹ đầu tư phát triển	67.651.890.411	68.852.743.010
+ Quỹ dự phòng tài chính	-	4.648.196.953
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng theo kết quả kinh doanh	56.376.575.342	39.344.424.577
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>18.431.747.930</u></b>	<b><u>14.953.912.314</u></b>

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 58/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đề xuất mức cổ tức cho năm 2014 là 30% vốn điều lệ của Tổng Công ty tương đương là 84.000.000.000 đồng.

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH, DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	2.755.185.464.611	2.560.230.837.668
Chi phí nhân công	835.064.709.877	750.233.145.605
Chi phí khấu hao	48.432.796.809	54.959.722.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.475.036.012.511	1.209.414.481.660
Chi phí khác	95.679.188.198	106.788.971.754
	<b><u>5.209.398.172.006</u></b>	<b><u>4.681.627.159.066</u></b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.447.255.828	9.458.393.981
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.747.112.387	45.685.268.421
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.807.537.810	15.009.422.216
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.689.195.776	-
	<b><u>60.691.101.801</u></b>	<b><u>70.153.084.618</u></b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	7.000.114.719	7.164.470.996
Dự phòng đầu tư tài chính	3.851.728.157	1.447.369.959
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.251.565.098)	(399.557.869)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.906.446.385	8.220.522.483
Chi phí tài chính khác	1.755.000.000	1.320.013.149
	<b><u>27.261.724.163</u></b>	<b><u>17.752.818.718</u></b>

**27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	297.636.361	6.610.335.269
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	8.330.366.620	6.235.488.192
Các khoản thu khác	2.179.809.914	3.084.480.759
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>10.807.812.895</u></b>	<b><u>15.930.304.220</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	108.025.695
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	4.463.875.797	4.014.736.636
Các khoản chi khác	1.628.675.971	1.482.597.472
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>6.092.551.768</u></b>	<b><u>5.605.359.803</u></b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b><u>4.715.261.127</u></b>	<b><u>10.324.944.417</u></b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>280.676.481.041</b>	<b>248.542.692.335</b>
<b>Cộng:</b>	<b>8.856.059.822</b>	<b>3.171.000.147</b>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.689.852.322	4.838.040.522
- Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc theo luật lao động và theo luật thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.411.207.500	(1.667.040.375)
- Chi thưởng cho các đơn vị liên kết, liên doanh	1.755.000.000	-
<b>Trừ:</b>	<b>(37.798.087.806)</b>	<b>(43.719.414.690)</b>
- Lợi nhuận được chia từ liên kết, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh	(29.747.112.387)	(44.325.268.421)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(8.050.975.419)	605.853.731
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>251.734.453.057</u></b>	<b><u>207.994.277.792</u></b>
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định	55.381.579.672	51.998.569.449
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm cho các khoản chi cho lao động nữ	(211.400.000)	(178.000.000)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>55.170.179.672</u></b>	<b><u>51.820.569.449</u></b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng.

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>37.411.108.410</u>	<u>30.075.531.766</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	25.770.933.742	20.660.820.076
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	37.698.118.831	26.527.781.565
Sau năm năm	<u>17.312.122.700</u>	<u>17.633.079.207</u>
	<u><b>80.781.175.273</b></u>	<u><b>64.821.680.848</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê mặt bằng và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức tại số 219 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.179.380.000 đồng/năm. Hợp đồng được ký với thời hạn dự kiến là 25 năm và ký hợp đồng thuê theo từng giai đoạn 05 năm kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2014 đối với thuê nhà xưởng và từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 đối với thuê mặt bằng.
- Tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn thuê và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 19 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	345.653.124.559	258.106.342.703
Trừ: Tiền	(149.602.216.602)	(183.298.525.677)
Nợ thuần	196.050.907.957	74.807.817.026
Vốn chủ sở hữu	<u>590.320.718.259</u>	<u>519.190.992.232</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><b>0,33</b></u>	<u><b>0,14</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	149.602.216.602	183.298.525.677
Phái thu khách hàng và phái thu khác	1.093.006.239.212	707.527.490.265
Các khoản đầu tư tài chính	220.059.900.050	260.580.063.320
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	40.433.899.419	6.217.049.456
<b>Tổng</b>	<b>1.503.102.255.283</b>	<b>1.157.623.128.718</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	345.653.124.559	258.106.342.703
Phải trả người bán và phải trả khác	944.169.175.771	813.769.924.622
Chi phí phải trả	9.279.820.835	21.550.271.248
Các khoản nhận ký quỹ	15.647.525.564	2.373.146.400
<b>Tổng</b>	<b>1.314.749.646.729</b>	<b>1.095.799.684.973</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	754.325.777.422	666.938.124.003	1.024.495.012.296	940.284.173.888
Yên Nhật ("JPY")	22.035.332.358	20.894.071.582	-	-

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
USD	2.701.692.349	2.733.460.499
JPY	<u>(220.353.324)</u>	<u>(208.940.716)</u>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty đánh giá rủi ro lãi suất ở mức thấp do các khoản vay và nợ (Thuyết minh số 16 và 19) được thực hiện theo mức lãi suất thấp so với thị trường. Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay không chịu lãi suất và các khoản vay hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiên – Tung Shing với toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh sẽ được Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiên – Tung Shing thanh toán trực tiếp cho các ngân hàng cho vay. Khoản vay và nợ dài hạn thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu với lãi suất cố định 5%/năm.

**Quản lý rủi ro về giá**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	149.602.216.602	-	149.602.216.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.082.008.327.135	10.997.912.077	1.093.006.239.212
Các khoản đầu tư tài chính	220.059.900.050		220.059.900.050
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	40.433.899.419	40.433.899.419
<b>Tổng</b>	<b>1.451.670.443.787</b>	<b>51.431.811.496</b>	<b>1.503.102.255.283</b>
Các khoản vay	192.237.124.559	153.416.000.000	345.653.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	944.169.175.771	-	944.169.175.771
Chi phí phải trả	9.279.820.835	-	9.279.820.835
Các khoản nhận ký quỹ	-	15.647.525.564	15.647.525.564
<b>Tổng</b>	<b>1.145.686.121.165</b>	<b>169.063.525.564</b>	<b>1.314.749.646.729</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>305.984.322.622</b>	<b>(117.631.714.068)</b>	<b>188.352.608.554</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền	183.298.525.677	-	183.298.525.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	696.529.578.188	10.997.912.077	707.527.490.265
Các khoản đầu tư tài chính	260.580.063.320	-	260.580.063.320
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	6.217.049.456	6.217.049.456
<b>Tổng</b>	<b>1.140.408.167.185</b>	<b>17.214.961.533</b>	<b>1.157.623.128.718</b>
Các khoản vay	111.690.342.703	146.416.000.000	258.106.342.703
Phải trả người bán và phải trả khác	813.769.924.622	-	813.769.924.622
Chi phí phải trả	21.550.271.248	-	21.550.271.248
Các khoản nhận ký quỹ	-	2.373.146.400	2.373.146.400
<b>Tổng</b>	<b>947.010.538.573</b>	<b>148.789.146.400</b>	<b>1.095.799.684.973</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>193.397.628.612</b>	<b>(131.574.184.867)</b>	<b>61.823.443.745</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng từ các khoản vay được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 16 và 19 là 300.000.000.000 đồng và 1.897.361 đô la Mỹ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Việt Tiến Meko	Công ty con
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	Công ty con
Công ty TNHH May Tiến Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Nam Thiên	Công ty con
Công ty TNHH May Thuận Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Công ty liên kết
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	Hợp tác kinh doanh
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	Hợp tác kinh doanh
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	Cổ đông chiến lược

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	5.847.241.764	3.874.835.451
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	6.934.423.506	4.615.837.388
Công ty TNHH May Tiến Thuận	1.366.105.445	663.961.090
Công ty TNHH Nam Thiên	1.993.509.322	242.517.733
Công ty TNHH May Thuận Tiến	<u>3.756.708.369</u>	<u>1.817.561.244</u>

H  
C  
T  
Y  
V  
H  
A  
I  
T  
E  
M  
C  
H  
I  
N  
H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty Cổ phần Việt Hưng	7.946.466.251	554.092.895
Công ty Cổ phần May Công Tiến	7.522.080.291	4.758.070.218
Công ty Cổ phần May Tây Đô	3.981.877.290	2.397.540.484
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	982.233.264	57.414.546
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	5.908.091.779	4.517.189.804
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	1.552.961.811	1.711.587.552
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	765.062.138	702.119.549
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	309.619.592	-
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	45.000.000	-
Công ty Cổ phần May Việt Tân	3.088.872.208	2.037.189.206
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	357.889.914	253.605.295

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	1.344.985.972.137	1.219.829.312.438
---	-------------------	-------------------

**Mua hàng****Các công ty con**

Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	254.560.764.021	176.300.350.569
Công ty TNHH May Thuận Tiến	134.600.946.111	115.127.801.024
Công ty TNHH May Tiến Thuận	132.340.361.465	120.348.718.896
Công ty TNHH Nam Thiên	79.906.225.720	56.304.564.030
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	1.620.368.212	19.659.515.260

**Các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty Cổ phần May Công Tiến	226.021.091.724	183.125.015.962
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	157.207.677.678	130.544.043.776
Công ty Cổ phần May Tây Đô	135.559.674.779	112.830.244.766
Công ty Cổ phần May Việt Tân	120.076.018.313	93.023.194.202
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	21.142.956.000	5.291.884.581
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	7.081.086.590	8.059.091.192
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	4.957.427.016	4.712.420.007
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	3.917.281.145	38.394.208.233
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	326.093.230	213.974.175
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	91.900.000	276.430.341
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	-	1.792.443.285

**Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	66.017.820.880	37.676.948.513
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	3.718.668.807	2.373.897.657

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	519.430.391.222	534.606.704.345
---	-----------------	-----------------

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	6.813.917.132	5.202.974.100



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Phải thu thương mại</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	13.470.512	-
Công ty TNHH May Tiến Thuận	305.309.334	126.247.000
Công ty TNHH Nam Thiên	3.867.496	-
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	6.512.000	-
Công ty TNHH May Thuận Tiến	9.916.187	18.940.880
<b><u>Các công ty liên doanh, liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	3.768.453.517	14.097.547.658
Công ty Cổ phần May Việt Tân	4.229.749.934	13.913.016.401
Công ty Cổ phần Việt Hưng	143.208.450	232.996.500
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	390.048.053	2.014.901.880
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	102.217.940	78.866.966
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	13.344.650	-
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	61.308.606	58.281.937
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	-	110.546.920
Công ty Cổ phần May Tây Đô	-	293.837.500
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	400.607.781.775	303.259.501.859
<b>Phải thu khác</b>		
<b><u>Các công ty liên doanh, liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	98.850.938.888	60.567.280.557
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đồng Á	24.000.000.000	20.467.386.400
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	800.000.000	800.000.000
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH May Tiến Thuận	-	12.000.000.000
Công ty TNHH May Thuận Tiến	-	1.511.895.000
<b><u>Các công ty liên doanh, liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	1.470.000.000	19.395.704.000
Công ty Cổ phần May Việt Tân	-	17.100.000.000
Công ty Cổ phần May Công Tiến	-	17.436.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	2.700.000.000	3.200.000.000
Công ty Cổ phần May Tây Đô	-	11.500.000.000
<b>Ký quỹ dài hạn</b>		
<b><u>Các công ty liên doanh, liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	34.575.552.000	-
<b>Phải trả thương mại</b>		
<b><u>Các công ty con</u></b>		
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng	65.696.530.245	11.627.751.784
Công ty TNHH May Thuận Tiến	12.666.653.441	16.833.950.296
Công ty TNHH Nam Thiên	29.047.822.816	2.862.848.450
Công ty TNHH May Tiến Thuận	7.438.984.324	208.348.116
Công ty TNHH Việt Tiến Meko	548.906.089	827.124.753

101/250  
 CHI NI  
 CÔNG  
 SÁCH NIỀ  
 O.E.L.O.  
 VIỆT I  
 TP. H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các công ty liên doanh, liên kết**

Công ty Cổ phần May Công Tiến	1.493.534.725	13.340.072.429
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	768.637.914	12.269.716.284
Công ty Cổ phần May Tây Đô	82.145.874	24.723.191
Công ty Cổ phần May Việt Tân	1.717.959.110	131.711.151
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	-	3.264.180.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	700.787.983	38.549.643
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	5.277.756	572.624.477
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	283.611.847	430.036.987
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	11.782.000	71.096.500
Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	-	22.000.000

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	200.532.759.620	211.423.225.982
---	-----------------	-----------------

**Người mua trả tiền trước****Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	42.077.645.419	-
---	----------------	---

**Phải thu nội bộ****Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	136.327.005.307	37.911.279.705
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	479.620.120	410.534.115

**Phải trả nội bộ****Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	2.775.231.857	2.235.085.525
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	1.315.060.857	306.097.441


Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởngBùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

